

Số: 365 /QĐ-ĐHKB

Bắc Ninh, ngày 12 tháng 4 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Ban hành Thông tin tuyển sinh đại học năm 2025

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH BẮC

Căn cứ Luật Giáo dục đại học ngày 18 tháng 6 năm 2012 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học;

Căn cứ Quyết định số 350/QĐ-TTg ngày 26/03/2012 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Kinh Bắc;

Căn cứ Thông tư số 08/2022/TT-BGDĐT ngày 06/06/2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế tuyển sinh đại học, tuyển sinh cao đẳng ngành Giáo dục mầm non;

Căn cứ thông tư số 06/2025/TT-BGDĐT ngày 19/03/2025, sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế tuyển sinh đại học, tuyển sinh cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non ban hành kèm theo thông tư số 08/2022/TT – BGDĐT ngày 06/06/2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Xét đề nghị của Trung tâm Tuyển sinh và Hợp tác Doanh nghiệp.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Thông tin tuyển sinh năm 2025 của Trường Đại học Kinh Bắc (có Thông tin tuyển sinh kèm theo Quyết định này).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký.

Điều 3. Giám đốc Trung tâm Tuyển sinh và Hợp tác Doanh nghiệp, Thủ trưởng các đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- HDT, BGH (để b/c);
- Như Điều 2;
- Website Trường;
- Lưu: VT, TTTS&HTDN/.

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



TS. Phạm Ngọc Trúc

THÔNG TIN TUYỂN SINH NĂM 2025

(Trình độ và hình thức đào tạo: đại học chính quy)

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 365/QĐ-ĐHKB ngày 12 tháng 4 năm 2025
của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh Bắc)

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên trường: **TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH BẮC**

Tên tiếng Anh: **University of Kinh Bac**

2. Mã trường: **UKB**

3. Địa chỉ trụ sở chính: xã Phù Chẩn, thành phố Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh

4. Cơ sở đào tạo: phố Phúc Sơn, phường Vũ Ninh, TP Bắc Ninh

5. Trang thông tin điện tử: <https://truongdaihockinhbac.edu.vn>.

6. Số điện thoại liên hệ tuyển sinh: **0868 666 355, 0868 666 357**

7. Địa chỉ công khai thông tin tuyển sinh:

<https://truongdaihockinhbac.edu.vn>.

8. Địa chỉ công khai các thông tin về hoạt động của cơ sở đào tạo (chương trình đào tạo; ngành đào tạo; đội ngũ giảng viên, cán bộ quản lý; cơ sở vật chất; quy mô đào tạo; tỷ lệ sinh viên có việc làm; kế hoạch tuyển sinh các ngành, hình thức, trình độ đào tạo các ngành...): <https://truongdaihockinhbac.edu.vn>.

II. TUYỂN SINH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC

1. Đối tượng, điều kiện dự tuyển

1.1. Người đã được công nhận tốt nghiệp trung học phổ thông (THPT) của Việt Nam hoặc có bằng tốt nghiệp của nước ngoài được công nhận trình độ tương đương.

1.2. Người đã có bằng tốt nghiệp trung cấp trở lên, ngành nghề thuộc cùng nhóm ngành dự tuyển và đã hoàn thành đủ yêu cầu khối lượng kiến thức văn hóa cấp THPT theo quy định của pháp luật.

2. Quy tắc quy đổi tương đương

2.1. Quy đổi tương đương ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào

Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào của nhóm ngành sức khỏe theo ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định. Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào của các ngành còn lại đối với tất cả các phương thức xét tuyển đều phải tuân thủ quy tắc không thấp hơn 50% điểm tối đa của tổ hợp xét tuyển.

2.2. Quy đổi tương đương điểm trúng tuyển

Điểm trúng tuyển của tất cả các phương thức xét tuyển đối với mỗi ngành đào tạo được xác định căn cứ vào chỉ tiêu tuyển sinh của từng ngành và đều phải tuân thủ quy tắc quy đổi chuẩn do Bộ Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn.

2.3. Quy đổi điểm chứng chỉ ngoại ngữ (tiếng Anh)

STT	IELTS	TOEFL iBT	VSTEP 3-5	Quy đổi theo thang điểm 10
1	5.5	72-78	6.0	8.0
2	6.0	79-87	6.5	8.5
3	6.5	88-95	7.0	9.25
4	7.0	96-101	7.5	9.5
5	7.5	102-109	8.0	9.75
6	8.0-9.0	110-120	8.5-10	10

3. Phương thức tuyển sinh: Xét tuyển

Phương thức 1 (Mã PT 100): Xét tuyển theo kết quả kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2025.

Phương thức 2 (Mã PT 200): Xét tuyển theo kết quả học tập cấp THPT (Học bạ).

Phương thức 3 (Mã PT 301): Xét tuyển thẳng theo Quy chế tuyển sinh đại học của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Phương thức 4 (Mã PT 402): Xét tuyển theo kết quả kỳ thi đánh giá năng lực do các trường khác tổ chức.

Phương thức 5 (Mã PT 500): Xét tuyển đối với thí sinh đã tốt nghiệp trình độ trung cấp trở lên cùng nhóm ngành dự tuyển (nhóm ngành sức khỏe).

4. Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào

4.1. Phương thức 1: Xét tuyển theo kết quả kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2025 (Mã PT 100)

a) Đối với nhóm ngành sức khỏe (Dược học, Y học cổ truyền, Y khoa):
Theo ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào do Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định năm 2025.

b) Đối với các ngành khác: Tổng điểm các môn theo tổ hợp xét tuyển (bao gồm điểm ưu tiên) phải đạt từ 15,0 điểm trở lên.

4.2. Phương thức 2: Xét tuyển theo kết quả học tập THPT (Mã PT 200)

a) Đối với nhóm ngành sức khỏe (Dược học, Y học cổ truyền, Y khoa):

Có kết quả học tập cả năm lớp 12 được đánh giá mức tốt (học lực xếp loại từ giỏi trở lên) hoặc điểm xét tốt nghiệp THPT từ 8,0 trở lên.

b) Đối với các ngành khác:

Đáp ứng một trong hai điều kiện sau: Điểm trung bình chung (TBC) cả năm lớp 12 đạt từ 5.5 trở lên hoặc tổng điểm các môn theo tổ hợp xét tuyển từ 16,5 điểm trở lên (bao gồm điểm ưu tiên).

4.3. Phương thức 3: Xét tuyển thẳng theo Quy chế tuyển sinh đại học của Bộ Giáo dục và Đào tạo (Mã PT 301)

Thí sinh thuộc đối tượng quy định tại khoản 1, 2, 3 và 4 Điều 8, Thông tư 08/2022/TT-BGDĐT ngày 06/06/2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo được tuyển thẳng vào các ngành Trường Đại học Kinh Bắc được phép đào tạo (trừ khối ngành sức khỏe).

4.4. Phương thức 4: Xét tuyển theo kết quả kỳ thi đánh giá năng lực do các trường khác tổ chức để xét tuyển (Mã PT 402)

a) Đối với nhóm ngành sức khỏe (Dược học, Y học cổ truyền, Y khoa):
Tổng điểm các môn theo kết quả kỳ thi đánh giá năng lực tương đương ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào năm 2025 do Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định.

b) Đối với các ngành khác: Tổng điểm các môn theo kết quả kỳ thi đánh giá năng lực (bao gồm điểm ưu tiên) phải đạt 50% điểm tối đa trở lên.

4.5. Phương thức 5: Xét tuyển đối với thí sinh đã tốt nghiệp trình độ trung cấp trở lên cùng nhóm ngành dự tuyển (nhóm ngành sức khỏe) (Mã PT 500)

Thí sinh đã tốt nghiệp trình độ trung cấp trở lên cùng nhóm ngành dự tuyển được áp dụng ngưỡng đầu vào một trong các tiêu chí sau:

a) Tiêu chí 1: Kết quả học tập cả năm lớp 12 được đánh giá mức tốt (học lực xếp loại từ giỏi trở lên) hoặc điểm trung bình chung các môn văn hóa cấp THPT đạt từ 8,0 trở lên;

b) Tiêu chí 2: Tốt nghiệp THPT loại Giỏi trở lên hoặc kết quả học tập cả năm lớp 12 được đánh giá mức khá (học lực xếp loại từ khá trở lên) và thời gian công tác từ 3 năm trở lên đúng với chuyên môn đào tạo hoặc có giấy phép hành nghề từ 1 năm trở lên tính đến thời điểm xét tuyển;

c) Tiêu chí 3: Tốt nghiệp trung cấp, cao đẳng, đại học đạt loại Giỏi trở lên và có điểm TBC học bạ lớp 12 đạt từ 5.0 trở lên;

d) Tiêu chí 4: Tốt nghiệp trình độ trung cấp, hoặc trình độ cao đẳng hoặc trình độ đại học đạt loại khá và thời gian công tác từ 3 năm trở lên đúng với chuyên môn đào tạo hoặc có giấy phép hành nghề từ 1 năm trở lên tính đến thời điểm xét tuyển và có điểm TBC học bạ lớp 12 đạt từ 5.0 trở lên.

5. Điểm trúng tuyển

5.1. Điểm trúng tuyển đối với từng ngành, từng phương thức xét tuyển được xác định căn cứ vào số lượng thí sinh đăng ký xét tuyển, chỉ tiêu tuyển sinh, quy tắc quy đổi tương đương điểm trúng tuyển của các phương thức xét tuyển và được công bố sau khi có kết quả xét tuyển.

5.2. Trường hợp nhiều thí sinh có cùng điểm xét tuyển thì sử dụng điểm TBC các môn thuộc tổ hợp xét tuyển của kết quả học tập lớp 12 hoặc kết quả thi tốt nghiệp THPT hoặc kết quả thi đánh giá năng lực làm tiêu chí phụ để xếp thứ tự xét trúng tuyển

6. Chỉ tiêu tuyển sinh (dự kiến)

TT	Mã xét tuyển	Tên chương trình, ngành, nhóm ngành xét tuyển	Mã ngành, nhóm ngành	Tên ngành, nhóm ngành	Chỉ tiêu	Phương thức tuyển sinh	Ghi chú
1	100+ 200+ 301+ 402	Kinh doanh và quản lý	7340301	Kế toán	100	Phương thức 1, 2, 3,4	
2	100+ 200+ 301+ 402		7340101	Quản trị kinh doanh	100	Phương thức 1, 2, 3,4	
3	100+ 200+ 301+ 402	Máy tính và Công nghệ thông tin	7480201	Công nghệ thông tin	120	Phương thức 1, 2, 3,4	
4	100+ 200+ 301+ 402	Du lịch , Khách sạn, Thể thao và Dịch vụ cá nhân	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	60	Phương thức 1, 2, 3,4	

TT	Mã xét tuyển	Tên chương trình, ngành, nhóm ngành xét tuyển	Mã ngành, nhóm ngành	Tên ngành, nhóm ngành	Chỉ tiêu	Phương thức tuyển sinh	Ghi chú
5	100+ 200+ 301+ 402	Nhân văn	7220201	Ngôn ngữ anh	50	Phương thức 1, 2, 3, 4	
6	100+ 200+ 402+ 500	Sức khỏe	7720101	Y khoa	300	Phương thức 1, 2, 4, 5	
7	100+ 200+ 402+ 500		7720115	Y học cổ truyền	80	Phương thức 1, 2, 4, 5	
8	100+ 200+ 402+ 500		7720201	Dược học	50	Phương thức 1, 2, 4, 5	

7. Mã ngành, tổ hợp xét tuyển

Ngành đào tạo	Mã ngành	Tổ hợp môn xét tuyển	Mã tổ hợp môn xét tuyển
1. Kế toán	7340301	1- Toán, Vật lí, Hóa 2- Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh 3- Toán, Vật lí, Tiếng Anh 4- Toán, GDCD, Tiếng Anh	A00 D01 A01 D84
2. Quản trị kinh doanh	7340101	1- Toán, Vật lí, Hóa. 2- Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh 3- Toán, Vật lí, Tiếng Anh 4- Toán, GDCD, Tiếng Anh	A00 D01 A01 D84
3. Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	7810103	1- Toán, Vật lí, Hóa. 2- Toán, Vật lí, Tiếng Anh 3- Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh 4- Văn, Lịch sử, Địa lí 5- Văn, Lịch sử, Tiếng Anh 6- Văn, Địa lý, Tiếng Anh	A00 A01 D01 D14 D15 C00
4. Ngôn ngữ Anh	7220201	1- Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh. 2- Toán, Vật lí, Tiếng Anh. 3- Ngữ văn, Lịch sử, Tiếng Anh 4- Ngữ văn, GDCD, Tiếng Anh	D01 A01 D14 D66

ĐẠI HỌC

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ

Ngành đào tạo	Mã ngành	Tổ hợp môn xét tuyển	Mã tổ hợp môn xét tuyển
5. Công nghệ thông tin	7480201	1- Toán, Vật lí, Hóa 2- Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh 3- Toán, Vật lí, Tiếng Anh 4- Toán, Vật lý, GD&ĐT	A00 D01 A01 A10
6. Dược học	7720201	1- Toán, Vật lí, Hóa 2- Toán, Vật lí, Tiếng Anh 3- Toán, Hóa, Sinh 4- Toán, Hóa, Anh 5-Toán, Sinh, Anh 6- Toán, Tiếng Anh, KHTN	A00 A01 B00 D07 D08 D90
7. Y học cổ truyền	7720115	1- Toán, Vật lí, Hóa 2- Toán, Vật lí, Tiếng Anh 3- Toán, Hóa, Sinh 4- Toán, Hóa, Anh 5-Toán, Sinh, Anh 6- Toán, Tiếng Anh, KHTN	A00 A01 B00 D07 D08 D90
8. Y khoa	7720101	1- Toán, Vật lí, Hóa 2- Toán, Vật lí, Tiếng Anh 3- Toán, Hóa, Sinh 4- Toán, Hóa, Anh 5-Toán, Sinh, Anh 6- Toán, Tiếng Anh, KHTN	A00 A01 B00 D07 D08 D90

8. Tổ chức tuyển sinh

8.1. Hồ sơ xét tuyển gồm

a) Đối với xét kết quả kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2025

- Phiếu đăng ký xét tuyển (theo mẫu của Trường Đại học Kinh Bắc) (Mẫu 01)
- Giấy chứng nhận kết quả kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2025
- Bản sao công chứng Bằng tốt nghiệp THPT hoặc Giấy chứng nhận tốt nghiệp tạm thời đối với thí sinh tốt nghiệp năm 2025
- Bản sao công chứng CCCD/CMND

b) Đối với các phương thức xét tuyển khác

- Phiếu đăng ký xét tuyển (theo mẫu của Trường Đại học Kinh Bắc) (Mẫu 01 hoặc Mẫu 02)
- Bản sao công chứng Bằng tốt nghiệp THPT hoặc Giấy chứng nhận tốt nghiệp tạm thời đối với thí sinh tốt nghiệp năm 2025
- Bản sao công chứng Học bạ THPT
- Bản sao công chứng CCCD/CMND
- Bản sao công chứng Bằng tốt nghiệp trung cấp, cao đẳng, đại học (đối với phương thức 5)
- Đơn xin xác nhận thời gian công tác từ 3 năm trở lên đúng với chuyên môn được đào tạo (Mẫu 03) hoặc có giấy phép hành nghề từ 1 năm trở lên tính đến thời điểm xét tuyển (đối với phương thức 5)
- Giấy xác nhận kết quả đánh giá năng lực của các trường khác (đối với phương thức 4)
- Các giấy tờ ưu tiên, chứng nhận liên quan (đối với phương thức 3)

8.2. Thời gian nhận hồ sơ

a) Thời gian nhận hồ sơ đăng ký xét tuyển: Theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo

b) Xét tuyển đợt 1: Theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo

c) Các đợt xét tuyển bổ sung: Đến hết ngày 20/12/2025

Chú ý: Nhà trường có thể điều chỉnh lịch xét tuyển các đợt tuyển phù hợp với tình hình thực tế và lịch tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Các điều chỉnh (nếu có) sẽ được công bố trên trang thông tin điện tử của Trường Đại học Kinh Bắc.

8.3. Địa điểm nhận hồ sơ xét tuyển

Trung tâm Tuyển sinh và Hợp tác doanh nghiệp Trường Đại học Kinh Bắc - phố Phúc Sơn, phường Vũ Ninh, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh

8.4. Hình thức nộp hồ sơ

- Đăng ký trên cổng thông tin của Bộ Giáo dục và Đào tạo
- Thí sinh nộp hồ sơ đăng ký xét tuyển trực tiếp tại Trung tâm Tuyển sinh và Hợp tác doanh nghiệp Trường Đại học Kinh Bắc
- Thí sinh gửi chuyển phát nhanh hồ sơ qua bưu điện về địa chỉ: Trung tâm Tuyển sinh và Hợp tác doanh nghiệp Trường Đại học Kinh Bắc – phố Phúc Sơn, phường Vũ Ninh, TP Bắc Ninh

- Đăng ký trên Website của Nhà trường: <https://truongdaihockinhbac.edu.vn>

8.5. Quy trình xét tuyển

Bước 1: Thí sinh gửi hồ sơ đăng ký xét tuyển về Trường Đại học Kinh Bắc

Bước 2: Tổng hợp hồ sơ của thí sinh đăng ký

Bước 3: Nhập dữ liệu, thống kê các điều kiện xét tuyển (*cập nhật dữ liệu lên hệ thống của Bộ Giáo dục và Đào tạo và của Nhà trường*)

Bước 4: Hội đồng tuyển sinh, xét tuyển thí sinh theo danh sách đăng ký nguyện vọng vào Trường Đại học Kinh Bắc.

Bước 5: Tổng hợp và công bố kết quả xét tuyển

Bước 6: Thông báo kết quả xét tuyển và gửi Giấy báo nhập học

Bước 7: Xác nhận thí sinh trúng tuyển nhập học lên hệ thống

9. Ưu tiên xét tuyển

9.1. Thí sinh thuộc một trong các trường hợp quy định tại điều a, b, c Khoản 4 Điều 8, Quy chế tuyển sinh đại học năm 2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo được tuyển thẳng vào các ngành Trường Đại học Kinh Bắc được phép đào tạo (*trừ nhóm ngành sức khỏe*).

9.2. Thí sinh thuộc một trong các trường hợp quy định tại Khoản 5, Điều 8, Quy chế tuyển sinh đại học năm 2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo được ưu tiên xét tuyển khi có cùng điểm xét tuyển với các thí sinh khác.

10. Lệ phí xét tuyển

- Lệ phí xét tuyển: Theo quy định lệ phí xét tuyển của Bộ Giáo dục và Đào tạo năm 2025

- Lệ phí xét tuyển theo phương thức 5 (Mã PT 500): 1,5 triệu/thí sinh

11. Việc cơ sở thực hiện các cam kết đối với thí sinh

Cơ sở đào tạo cam kết đảm bảo quyền lợi hợp pháp của thí sinh trong quá trình tuyển sinh, học tập và giải quyết khiếu nại nếu có sai sót. Các nội dung cam kết bao gồm:

11.1. Khiếu nại và giải quyết khiếu nại liên quan đến xét tuyển

a) Thí sinh có quyền khiếu nại nếu phát hiện sai sót trong quá trình xét tuyển (tính điểm, ưu tiên khu vực, đối tượng...).

b) Cơ sở đào tạo sẽ tiếp nhận và giải quyết khiếu nại theo quy định của pháp luật.

Thí sinh trực tiếp khiếu nại hoặc gửi đơn khiếu nại đến Trung tâm Tuyển sinh và Hợp tác Doanh nghiệp của Trường Đại học Kinh Bắc trong thời hạn theo quy định của Luật Khiếu nại.

11.2. Bảo vệ quyền lợi thí sinh trong trường hợp rủi ro

a) Nếu có sai sót trong quy trình tuyển sinh dẫn đến thí sinh bị ảnh hưởng, cơ sở đào tạo sẽ có biện pháp đảm bảo quyền lợi của thí sinh, bao gồm:

- Hỗ trợ xét tuyển lại nếu sai sót xảy ra từ phía nhà trường.
- Hướng dẫn thí sinh lựa chọn phương án phù hợp nếu không thể tiếp tục học.

b) Nhà trường đảm bảo không thu chi phí ngoài quy định đối với các trường hợp bị ảnh hưởng do lỗi xét tuyển.

11.3. Trách nhiệm của cơ sở đào tạo trong việc minh bạch thông tin tuyển sinh

a) Nhà trường cam kết công khai, minh bạch tất cả thông tin tuyển sinh, bao gồm:

- Chỉ tiêu, phương thức tuyển sinh.
- Điều kiện xét tuyển, mức học phí.
- Chính sách ưu đãi, học bổng.

b) Mọi thay đổi trong tuyển sinh sẽ được cập nhật kịp thời trên website chính thức của trường.

c) Tất cả các quy trình trên sẽ tuân thủ theo Quy chế tuyển sinh đại học năm 2025 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

12. Các nội dung khác

12.1. Tổ hợp xét tuyển

Năm 2025 là năm đầu tiên tổ chức thi tốt nghiệp trung học phổ thông và xét tuyển đại học cho các em học sinh học theo chương trình giáo dục 2018. Để đảm bảo công tác tuyển sinh đại học đúng quy chế, công bằng và thuận lợi cho thí sinh, Trường Đại học Kinh Bắc sẽ xem xét, điều chỉnh, bổ sung tổ hợp xét tuyển khi cần.

12.2. Học bổng

a) Hàng năm, Trường có học bổng dành cho sinh viên có thành tích học tập tốt và có nhiều đóng góp tích cực cho các hoạt động của Nhà trường.

b) Đối với sinh viên khuyết tật: Nhà trường tặng học bổng 50% học phí toàn khóa học và hỗ trợ tiền ở kí túc xá trong toàn khóa học.

12.3. Ký túc xá

Trường Đại học Kinh Bắc có kí túc xá với 1500 chỗ ở cho sinh viên, cơ sở vật chất hiện đại, được trang bị thang máy, wifi, sân thể thao, siêu thị và các tiện ích khác... phục vụ nhu cầu ăn, ở, học tập của sinh viên.

Mức tiền ở kí túc xá từ 150.000 đồng/tháng/sinh viên, đảm bảo môi trường học tập và sinh hoạt thuận tiện cho sinh viên.

12.4. Cơ hội thực tập và việc làm

Nhà trường có liên kết với các doanh nghiệp, công ty lớn, các bệnh viện lớn hỗ trợ sinh viên thực tập và tìm kiếm việc làm ngay từ năm 2, năm 3.

Hợp tác với các công ty lớn, các bệnh viện lớn giúp sinh viên có cơ hội làm việc ngay sau khi tốt nghiệp.

12.5. Hoạt động ngoại khóa và câu lạc bộ sinh viên

Trường có nhiều câu lạc bộ như câu lạc bộ học thuật, văn hóa – nghệ thuật, công nghệ, đoàn thanh niên... giúp sinh viên phát triển kỹ năng mềm.

Các chương trình giao lưu trại hè, hội thảo, hướng nghiệp... giúp sinh viên mở rộng kiến thức, cơ hội học tập và việc làm.

13. Thông tin về tuyển sinh của 2 năm gần nhất

S TT	Mã xét tuyển	Tên chương trình, ngành, nhóm ngành xét tuyển	Mã ngành, nhóm ngành	Tên ngành, nhóm ngành	Phương thức tuyển sinh	Năm 2024				Năm 2023				Ghi chú
						Chỉ tiêu	Số nhập học	Điểm trúng tuyển/Thang điểm xét		Chỉ tiêu	Số nhập học	Điểm trúng tuyển/Thang điểm xét		
								Sử dụng KQ thi THPT năm 2024	Sử dụng KQ học bạ THPT			Sử dụng KQ thi THPT năm 2023	Sử dụng KQ học bạ THPT	
1	100+ 200+ 301+ 402	Kinh doanh và quản lý	7340301	Kế toán	Phương thức 1, 2, 3, 4	160	77	15,0	15,0 (hoặc ĐTB lớp 12 từ 5,0)	160	77	15,0	18,0 (hoặc ĐTB lớp 12 từ 6,0)	
2	100+ 200+ 301+ 402		7340101	Quản trị kinh doanh	Phương thức 1, 2, 3, 4	120	78	15,0	15,0 (hoặc ĐTB lớp 12 từ 5,0)	120	78	15,0	18,0 (hoặc ĐTB lớp 12 từ 6,0)	

S TT	Mã xét tuyển	Tên chương trình, ngành, nhóm ngành xét tuyển	Mã ngành, nhóm ngành	Tên ngành, nhóm ngành	Phương thức tuyển sinh	Năm 2024				Năm 2023				Ghi chú
						Chỉ tiêu	Số nhập học	Điểm trúng tuyển/Thang điểm xét		Chỉ tiêu	Số nhập học	Điểm trúng tuyển/Thang điểm xét		
								Sử dụng KQ thi THPT năm 2024	Sử dụng KQ học bạ THPT			Sử dụng KQ thi THPT năm 2023	Sử dụng KQ học bạ THPT	
3	100+ 200+ 301+ 402	Máy tính và Công- nghệ thông tin	7480201	Công nghệ thông tin	Phương thức 1, 2, 3, 4	160	95	15,0	15,0 (hoặc ĐTB lớp 12 từ 5,0)	160	130	15,0	18,0 (hoặc ĐTB lớp 12 từ 6,0)	
4	100+ 200+ 301+ 402	Du lịch, Khách sạn, Thể thao và Dịch vụ cá nhân	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Phương thức 1, 2, 3, 4	180	37	15,0	15,0 (hoặc ĐTB lớp 12 từ 5,0)	180	42	15,0	18,0 (hoặc ĐTB lớp 12 từ 6,0)	
5	100+ 200+ 301+ 402	Nhân văn	7220201	Ngôn ngữ anh	Phương thức 1, 2, 3, 4	110	28	15,0	15,0 (hoặc ĐTB lớp 12 từ 5,0)	110	37	15,0	18,0 (hoặc ĐTB lớp 12 từ 6,0)	

S TT	Mã xét tuyển	Tên chương trình, ngành, nhóm ngành xét tuyển	Mã ngành, nhóm ngành	Tên ngành, nhóm ngành	Phương thức tuyển sinh	Năm 2024				Năm 2023				Ghi chú
						Chỉ tiêu	Số nhập học	Điểm trúng tuyển/Thang điểm xét		Chỉ tiêu	Số nhập học	Điểm trúng tuyển/Thang điểm xét		
								Sử dụng KQ thi THPT năm 2024	Sử dụng KQ học bạ THPT			Sử dụng KQ thi THPT năm 2023	Sử dụng KQ học bạ THPT	
6	100+ 200+ 402+ 500	Sức khỏe	7720101	Y khoa	Phương thức 1, 2, 4, 5	100	239	22,5	Học lực lớp 12 xếp loại giỏi trở lên	100	159	22,5	Học lực lớp 12 xếp loại giỏi trở lên	
7	100+ 200+ 402+ 500		7720115	Y học cổ truyền	Phương thức 1, 2, 4, 5	100	85	21,0	Học lực lớp 12 xếp loại giỏi trở lên	100	62	21,0	Học lực lớp 12 xếp loại giỏi trở lên	

S TT	Mã xét tuyển	Tên chương trình, ngành, nhóm ngành xét tuyển	Mã ngành, nhóm ngành	Tên ngành, nhóm ngành	Phương thức tuyển sinh	Năm 2024				Năm 2023				Ghi chú
						Chỉ tiêu	Số nhập học	Điểm trúng tuyển/Thang điểm xét		Chỉ tiêu	Số nhập học	Điểm trúng tuyển/Thang điểm xét		
								Sử dụng KQ thi THPT năm 2024	Sử dụng KQ học bạ THPT			Sử dụng KQ thi THPT năm 2023	Sử dụng KQ học bạ THPT	
8	100+ 200+ 402+ 500		7720201	Dược học	Phương thức 1, 2, 4, 5	100	15	21,0	Học lực lớp 12 xếp loại giỏi trở lên	100	30	21,0	Học lực lớp 12 xếp loại giỏi trở lên	

Trung tâm tuyển sinh và Hợp tác doanh nghiệp

Địa chỉ Gmail: trungtamtuyensinh@ukb.edu.vn

Số điện thoại liên hệ: 0868 666 355, 0868 666 357

**Địa chỉ : Trường Đại học Kinh Bắc, Phố Phúc Sơn, phường
Vũ Ninh, TP Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh**

Bắc Ninh, ngày 12 tháng 4 năm 2025

**KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**

**TRƯỜNG
ĐẠI HỌC
KINH BẮC**

TS. Phạm Ngọc Trúc

PHỤ LỤC:

Mẫu 01:

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH BẮC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**PHIẾU ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN ĐẠI HỌC CHÍNH QUY
NĂM 2025**

(Áp dụng cho các phương thức: 1, 2, 3, 4)

Kính gửi: HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH BẮC

1. Họ, chữ đệm và tên của thí sinh (Viết đúng như giấy khai sinh chữ in hoa có dấu)

.....Giới tính: (nữ ghi 1, nam ghi 0)

2. Ngày, tháng, năm sinh

(Nếu ngày và tháng năm sinh nhỏ hơn 10 thì ghi số 0 vào ô đầu)

3. Số chứng minh nhân dân/căn cước công dân:

4. Dân tộc:..... 5. Nơi sinh:.....

6. Hộ khẩu thường trú:.....

Mã tỉnh

Mã huyện

7. Đối tượng ưu tiên: (thuộc đối tượng nào thì khoanh vào đối tượng đó)

1	2	3	4	5	6
---	---	---	---	---	---

8. Khu vực ưu tiên: (thuộc khu vực nào thì khoanh vào khu vực đó)

KV1	KV2	KV3	KV4
-----	-----	-----	-----

9. Năm tốt nghiệp THPT: (ghi đủ 4 số của năm tốt nghiệp)

10. Nơi học THPT hoặc tương đương

Lớp 10:.....

Lớp 11:.....

Lớp 12:.....

11. Điện thoại liên lạc:..... Email:.....

12. Địa chỉ liên hệ:.....

13. Phương thức đăng ký xét tuyển :

Ngành xét tuyển (ưu tiên theo thứ tự)	Mã ngành	Tổ hợp xét tuyển	Tên môn xét tuyển	Điểm môn xét tuyển	Điểm môn xét tuyển lớp 12		
					HK1	HK2	Cả năm

13. Thành tích thi sinh đạt được:

Đạt giải/Huy chương/Thành viên đội tuyển	Cấp				Môn đạt giải	Năm đạt giải
	Quốc tế	Quốc gia	Tỉnh/ Thành phố	Trường		

14. Chính sách ưu tiên khác (nếu có):

.....

.....

Tôi xin cam đoan những lời khai trên là đúng sự thật. Nếu sai tôi xin chịu xử lý theo Quy chế tuyển sinh hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

....., ngày.....tháng.....năm 2025

THÍ SINH XÁC NHẬN

(ký & ghi rõ họ tên)

Mẫu 02:

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH BẮC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**PHIẾU ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN ĐẠI HỌC CHÍNH QUY
NĂM 2025**

(Áp dụng cho phương thức 5: Mã PT 500)

Kính gửi: HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH BẮC

1. Họ, chữ đệm và tên của thí sinh (Viết đúng như giấy khai sinh chữ in hoa có dấu)

.....Giới tính: (nữ ghi 1, nam ghi 0)

☐

2. Ngày, tháng, năm sinh

(Nếu ngày và tháng năm sinh nhỏ hơn 10 thì ghi số 0 vào ô đầu)

3. Số chứng minh nhân dân/căn cước công dân:

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

4. Dân tộc:..... 5. Nơi sinh:.....

6. Hộ khẩu thường trú:.....

Mã tỉnh

Mã huyện

7. Đối tượng ưu tiên: (thuộc đối tượng nào thì khoanh vào đối tượng đó)

1	2	3	4	5	6
---	---	---	---	---	---

8. Năm tốt nghiệp THPT:

9. Nơi học THPT hoặc tương đương

Mã tỉnh

Mã trường

Lớp 10:.....

Lớp 11:.....

Lớp 12:.....

10. Năm tốt nghiệp: TC: CD: DH:

- Trung cấp:

- Cao đẳng:

- Đại học:

11. Điện thoại liên lạc:.....Email:.....

12. Địa chỉ liên hệ:.....

13. Phương thức đăng ký xét tuyển: Phương thức 5 (Mã XT 500)

Ngành xét tuyển	Mã ngành	ĐIỂM XÉT TUYỂN							
		THPT			TC		CD		
		ĐIỂM TBC LỚP 12	HỌC LỰC	HÀNH KIỂM	ĐIỂM TBC	HỌC LỰC	ĐIỂM TBC	HỌC LỰC	

14. Xác nhận thâm niên 3 năm công tác tại:

15. Thành tích thí sinh đạt được:

Đạt giải/Huy chương/Thành viên đội tuyển	Cấp				Môn đạt giải	Năm đạt giải
	Quốc tế	Quốc gia	Tỉnh/ Thành phố	Trường		

16. Chính sách ưu tiên khác (nếu có):

.....
.....

Tôi xin cam đoan những lời khai trên là đúng sự thật. Nếu sai tôi xin chịu xử lý theo Quy chế tuyển sinh hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

....., ngày.....tháng.....năm 2025

THÍ SINH XÁC NHẬN

Mẫu 03:

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc

ĐƠN XIN XÁC NHẬN THỜI GIAN CÔNG TÁC

Kính gửi:

Tên tôi là:.....

Sinh ngày:Nơi sinh:.....

Kính đề nghị Quý cơ quan xác nhận giúp tôi các nội dung sau:

Tôi đã (hoặc đang) làm việc tại:

Lĩnh vực công việc:.....

Thời gian làm việc: từ ngày/...../..... đến ngày/...../.....

Kính mong nhận được sự quan tâm giúp đỡ của Quý Cơ quan.

Tôi xin trân trọng cảm ơn!

....., ngày.....tháng.....năm.....

XÁC NHẬN CỦA CƠ QUAN, ĐƠN VỊ

NGƯỜI LÀM ĐƠN

NƠI LÀM VIỆC

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

ĐƠN XIN XÁC NHẬN THỜI GIAN CÔNG TÁC